TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HS-ST
Ngày 09/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Triệu Minh Tư, bà Triệu Thị Liên.

- Thư ký phiên toà: bà Nông Kim Huệ - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: ông Đặng Quang Huy, bà Thiều Khánh P- Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang, địa chỉ: số C đường T, phường H, tỉnh Tuyên Quang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2026/TLST-HS ngày 09/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HS ngày 28/01/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 27/01/1984 tại tỉnh Hưng Yên; nơi thường trú: thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên; nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: căn hộ 11A11 tháp B (H-CT2B) khu nhà ở H-brand, KĐT mới V, tổ dân phố A, phường P, quận H, thành phố Hà Nội (cũ) nay là tổ A, phường K, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đ2; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Xuân Đ1, sinh năm 1952 và bà Mai Thị D, sinh năm 1958; có vợ là Nghiêm Thị N, sinh năm 1990, có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; thẻ CCCD số 0340840009382; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2025 đến ngày 28/6/2025, được áp dụng biện pháp bảo lĩnh từ ngày 28/6/2025 cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên **Hoàng Văn B**, sinh ngày 16/7/1992 tại xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nơi thường trú: thôn V, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: tổ A, N, phường H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn B1, sinh năm 1973 và bà Phan Thị T, sinh năm 1973; có vợ là Nguyễn Thùy T1, sinh năm 2000, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2022, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; thẻ CCCD số 002092004688; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2025 cho đến nay, có mặt.

3. Họ và tên **Vũ Văn M**, sinh ngày 12/11/1977 tại xã V, tỉnh Tuyên Quang; nơi thường trú: tổ F T, phường H, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở hiện nay: tổ F T, phường H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12;

dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Vũ Văn N1, sinh năm 1930 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1930 (đều đã chết); có vợ là Mai Thị Huyền H, sinh năm 1979, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2004; là Đảng viên Đ3 sinh hoạt tại Chi bộ 16 thuộc Đảng uỷ Công ty Đ4, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 20/QĐ-UBKTĐU ngày 23/12/2025 của UBKT Đảng ủy UBND tỉnh T; tiền án, tiền sự: không, nhân thân: năm 2007 bị Công an huyện H, tỉnh Hà Giang (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng (đã được xoá); thẻ CCCD số 002077001339; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/11/2025 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Hoàng Văn C, sinh năm 1991 (đã chết). Người đại diện hợp pháp của bị hại: anh Hoàng Văn M1, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn B, xã P, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số 002093005759, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Lê T2, sinh năm 1974, địa chỉ: cụm E, tổ H, phường D, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Đinh Xuân T3, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ A T, phường H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Y, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ I, phường H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1975, địa chỉ: tổ A T, phường H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1975, địa chỉ: tổ A T, phường H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Trần Giang S, sinh năm 1978, địa chỉ: tổ C M, phường H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Hoàng Văn H1, Nùng Văn T6, Vương Xuân V, Nông Văn X, Nông Văn T7, Phúc Văn C1, Trần Sơn H2, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/01/2025, Công ty Đ5 (*nay là Điện lực khu vực Hà Giang, tỉnh Tuyên Quang*) và đại diện Công ty cổ phần Đ2 (*gọi tắt là Công ty Đ2*) là ông Nguyễn Lê T2 - Tổng Giám đốc Công ty, ký kết hợp đồng số 07/2025/HĐ-SCL thực hiện gói thầu số 7 "Cung cấp vật tư và thi công sửa chữa các hạng mục SCL năm 2025 khu vực huyện V, B, khu vực Thành phố H", giá trị gói thầu là 7.294.249.410 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng là 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Ngày 26/3/2025, Công ty Đ5 và Công ty Đ2 ký kết phụ lục hợp đồng số 07A về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng số 07, thời gian gia hạn hợp đồng đến hết ngày 31/3/2025.

Gói thầu số 7 bao gồm nhiều hạng mục, trong đó hạng mục sửa chữa 17 trạm biến áp (TBA) đường dây (ĐZ) 22kV lộ 473, 474, 476 E22.1 trên địa bàn

thành phố H do Nguyễn Văn Đ - Phó Tổng Giám đốc Công ty Đ2 là Chỉ huy trưởng. Do tiến độ thi công bị chậm, để đảm bảo thời hạn thực hiện hợp đồng, Đ đã đăng ký lịch cắt điện với Điện lực thành phố H vào các ngày 29, 30, 31/3/2025 để thi công hạng mục sửa chữa 17 TBA. Nhận thấy số công nhân của Công ty Đ2 mà mình đang quản lý, sử dụng không đủ để hoàn thành khối lượng công việc đúng thời hạn nên ngày 26/3/2025, Đ đã không báo cáo xin ý kiến ông Nguyễn Lê T2 mà tự liên hệ với Đinh Xuân T3 là nhân viên Công ty TNHH C4 (*Công ty Đ2 công trình tại địa bàn tỉnh Hà Giang*) để nhờ T3 thuê thêm công nhân sửa chữa TBA, T3 đồng ý giúp. Nguyễn Văn Đ gửi cho T3 phương án kỹ thuật và danh sách các TBA sửa chữa trong các ngày 29, 30, 31/3/2025.

Do không có chuyên môn, không quen biết công nhân để thi công sửa chữa TBA nên T3 liên lạc với Trần Thị Y là kế toán Công ty TNHH một thành viên M2 (*Công ty thi công các công trình trong lĩnh vực điện lực có địa chỉ tại xã V, tỉnh Tuyên Quang*) để nhờ Y tìm công nhân sửa chữa TBA theo yêu cầu của Đ, Y đồng ý giúp. Sau đó, Y liên lạc với Vũ Văn M là cán bộ Điện lực thành phố H, nhờ M tìm thợ sửa chữa TBA, M đồng ý. Y gửi cho M phương án kỹ thuật cũng như số lượng các TBA Yến đã nhận được từ T3. Sau đó, M liên hệ với những công nhân trước đây từng được M thuê đi làm cùng, gồm: Hoàng Văn H1[(1)], Huấn Văn T8[(2)], Lý Văn N2[(3)], Huấn Văn C2[(4)], Lý Văn T9[(5)], Lý Văn H3[(6)], Hoàng Văn T10[(7)], Nùng Văn T6[(8)], Vương Xuân V[(9)], Phạm Văn T11[(10)] để thuê sửa chữa TBA và tự thỏa thuận tiền công làm việc từ 800.000 đến 1.000.000 đồng/ngày với những công nhân này. Ngoài ra, M bảo những người trên nếu có người thì gọi đi làm cùng. Sau đó, Nùng Văn T6 báo có thêm: Nông Seo Vinh[(11)], Vàng Văn D1[(12)], Lù Văn K[(13)], Nông Văn X[(14)], Nông Văn T7[(15)], Hoàng Văn H1 báo có thêm Phúc Văn C1[(16)], và Hoàng Văn C[(17)] và được M đồng ý. Khi thấy số lượng công nhân đã đủ, M báo cho Y về việc đã thuê được công nhân sửa chữa các TBA. Sau đó, Y cho T3 số điện thoại của M để trực tiếp trao đổi. Quá trình trao đổi giữa Đ, T3, Y và M đều không thỏa thuận về tiền công, không đưa ra yêu cầu, điều kiện cụ thể về trình độ, năng lực đối với công nhân.

Sau đó, Đ thông báo cho T3 biết nhóm công nhân T3 thuê sẽ thi công sửa chữa 08 TBA gồm: Hòa Bình, T, N (huyện V, tỉnh Hà Giang nay là xã V, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 29/3/2025; Cổng Thành, B, Sở G (*thành phố H cũ*) vào ngày 30/3/2025, 02 TBA còn lại sẽ thông báo sau. Đối với 09 TBA còn lại sẽ do nhóm công nhân Công ty Đ2 thi công. Nội dung trên được T3 báo lại cho M.

Từ ngày 26/3/2025, Đ cùng các thành viên tổ thẩm duyệt Phương án của Công ty Đ5 xây dựng, kiểm tra, chỉnh sửa để hoàn thiện nội dung các Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn (*gọi tắt là Phương án*) để sửa chữa 17 TBA vào các ngày 29, 30, 31/3/2025. Đ yêu cầu T3 cung cấp danh sách và ảnh của công nhân do T3 thuê để làm thẻ an toàn điện và 03 người giữ chức danh Người chỉ huy trực tiếp. Nội dung này được T3 trao đổi với Y, Y trao đổi lại với M. Sau đó, M gửi cho Y ảnh, họ tên của một số công nhân và chụp ảnh căn cước, ảnh cá nhân của Nùng Văn T6, Nông Seo V1 và Phạm Văn T11 làm Người chỉ huy trực tiếp (*sau này do thấy Phạm Văn T11 đã lớn tuổi nên Đ thay thế bằng Huấn Văn T8 khi lập Phương án*). Những thông tin này sau đó được Y gửi lại cho T3, T3 gửi lại cho Đ. Do M không gửi đủ danh sách công nhân nên Đ cử nhân viên Công

ty Đ2 (*không nhớ họ tên, địa chỉ*) đi đến các TBA để trực tiếp thu thập thông tin, dẫn đến việc có một số công nhân trong Phương án bị sai họ tên thật và bố trí không đúng công việc (*Nguyễn Văn T12, Hoàng Văn T13, Nông Thanh L1 là lái xe nhưng lại bố trí là công nhân*) và thiếu tên 02 công nhân (*Hoàng Văn C và Lý Văn H3*). Sau đó, do thời gian gấp, khối lượng công việc nhiều nên Đ không thông báo với Công ty Đ2 để tổ chức huấn luyện an toàn điện cho các công nhân được thuê thêm. Tuy nhiên, trong Phương án những công nhân do M thuê, Đại tự kê khai có bậc an toàn điện từ 4/5 trở lên, trong đó Người chỉ huy trực tiếp có bậc an toàn điện là 5/5.

Ngày 28/3/2025, Đ bảo T13 đến bãi tập kết vật tư của Công ty Đ2 thuê tại phường H, tỉnh Tuyên Quang để nhận vật tư thi công. T13, M cùng đến bãi tập kết để kiểm tra số lượng vật tư phục vụ việc sửa chữa các TBA. Trên cơ sở số lượng vật tư cần vận chuyển, M thuê thêm 05 người lái xe cẩu chở vật tư, thiết bị thi công từ kho đến địa điểm thi công gồm Nguyễn Văn T12, Đỗ Mạnh C3, Hoàng Văn T13, Nông Thanh L1, Hoàng Văn L2 (*không xác định được lai lịch*). Cùng ngày, những công nhân trú tại xã H đến thành phố H để chuẩn bị đi làm, M thuê nhà nghỉ cho họ. Sau đó, M đến Điện lực thành phố Đ5 kiểm tra lịch công tác mà Đ đã đăng ký để biết cụ thể việc phân công Người chỉ huy trực tiếp tại các TBA từ đó phân công công nhân làm việc và thông báo về thời gian, địa điểm sửa chữa các TBA để các công nhân chủ động đến địa điểm thi công. Đối với 03 người chỉ huy trực tiếp, do biết rõ những công nhân đó không có đủ điều kiện làm Người chỉ huy trực tiếp (*được cấp thẻ an toàn điện bậc 4 trở lên*) nên M không thông báo cho Nông Seo V1, Nùng Văn T6, Huấn Văn T8 biết việc họ được phân công vai trò Người chỉ huy trực tiếp. Ngày 29/3/2025, nhóm công nhân do M thuê bắt đầu thi công sửa chữa 03 TBA Hòa Bình, T, N tại huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là xã V, tỉnh Tuyên Quang).

Ngày 29/3/2025, Đ xây dựng xong Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn số 11/PATCTC-CPĐT&XDCNVN rồi chuyển Phương án cho Phòng Điều độ, Phòng Kỹ thuật và Phòng An toàn thuộc Công ty Đ5 để thẩm duyệt theo quy định. Phương án đã được các thành viên trong tổ thẩm duyệt Phương án gồm Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó phòng Điều độ và Trưởng phòng An toàn kí xác nhận vào biên bản thẩm duyệt. Ngay sau đó, Đại photo Phương án gửi đến Phòng Điều độ thuộc Công ty Đ5 để thực hiện công tác cắt điện, đến Đội quản lý đường dây và TBA thuộc Điện lực thành phố Đ5 để cung cấp cho Người cho phép và gửi cho Bùi Quang H4 nhân viên Công ty cổ phần Đ2 để sáng sớm ngày 30/3/2025 chuyển cho các Đơn vị công tác thực hiện trong quá trình thi công.

Vào 06 giờ 00 phút ngày 30/3/2025, Điện lực thành phố H (cũ) tổ chức họp phổ biến công việc và phân công 06 cán bộ Đội quản lý vận hành đường dây và TBA giữ chức danh Người cho phép đối với 06 TBA Truyền Hình, Kiểm L3, K, Cổng T14, B, Sở Giao Thông. Trong đó, Hoàng Văn B được phân công giữ chức danh Người cho phép tại TBA C. Ông Trần Giang S (*Đội trưởng đội quản lý đường dây và TBA Điện lực thành phố Đ5*) triển khai nội dung công việc và cấp các phiếu công tác cho những Người cho phép. Hoàng Văn B nhận 03 phiếu công tác số 311, 312, 313/ĐLTPHG/2025 và 01 quyển Phương án tổ chức thi công và

biện pháp an toàn số 11/PATCTC-CPĐT&XDCNVN. Các công việc cần thực hiện tại TBA Cổng thành tương ứng với 03 phiếu công tác bao gồm: (1) Tách lèo (*tách lèo là ngắt dây dẫn khỏi điểm kết nối để không cho dòng điện đi qua dây dẫn*) tại cột điện 473E22.1/24; (2) Tháo lắp, thay thế xà phụ kiện các thiết bị tại TBA; (3) Đấu lèo (*đấu lèo là nối dây dẫn vào điểm kết nối để dòng điện đi qua dây dẫn*) tại cột điện 473E22.1/24. Theo Phương án danh sách công nhân thuộc Đơn vị công tác số 03 làm việc tại TBA C có 05 người bao gồm: Nùng Văn T6 (*Người chỉ huy trực tiếp*), Nông Văn T7, Nông Văn X, Vương Xuân V, Nguyễn Văn T12.

Ngày 30/3/2025, theo sự phân công của M nhóm công nhân đến làm việc tại 03 TBA C, Sở G, B, trong đó TBA Cổng Thành gồm: Nùng Văn T6, Nông Văn X, Nông Văn T7, Vương Xuân V, Hoàng Văn H1, Hoàng Văn C, Phúc Văn C1. Khoảng 06 giờ 40 phút cùng ngày, Hoàng Văn B đến TBA C (thuộc tổ A, phường H, tỉnh Tuyên Quang) nhưng không thấy Nùng Văn T6 (*Người chỉ huy trực tiếp trong Phiếu công tác*), chỉ thấy Hoàng Văn H1, Hoàng Văn C và Phúc Văn C1 ở đó. Bông không thực hiện đúng quy định về việc kiểm tra danh sách công nhân, thẻ an toàn điện và bàn giao Phiếu công tác số 311/ĐLTPHG/2025 cho Người chỉ huy trực tiếp để phân công làm việc mà trực tiếp phân công Hoàng Văn C và Phúc Văn C1 tiến hành công việc "tách lèo" tại cột điện 473E22.1/24. Trong đó, Hoàng Văn C là người trực tiếp trèo lên cột điện để "tách lèo", Phúc Văn C1 đứng hỗ trợ dưới chân cột điện, B đứng dưới chỉ đạo và hướng dẫn. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, sau khi Hoàng Văn C và Phúc Văn C1 "tách lèo" xong thì Nùng Văn T6, Nông Văn X, Nông Văn T7, Vương Xuân V đến. Lúc này, Hoàng Văn B không tiến hành kiểm tra, đối chiếu số lượng công nhân và kiểm tra thẻ an toàn điện của công nhân thực tế so với danh sách trong Phương án, không bàn giao Phiếu công tác số 311, 312/ĐLTPHG/2025 cho Nùng Văn T6 (*Người chỉ huy trực tiếp*) theo quy định mà tự ký xác nhận tại mục bàn giao thay T6 và các công nhân trong phiếu công tác rồi cho phép tiến hành sửa chữa TBA. Vì vậy, Nùng Văn T6 không biết mình là Người chỉ huy trực tiếp. Trước khi cho phép công nhân làm việc, B đã cùng các công nhân thực hiện kiểm tra các biện pháp an toàn, tiến hành chụp ảnh hiện trường và công nhân, gửi ảnh lên phần mềm ECP (*phần mềm quản lý an toàn điện của Công ty Đ5*). Quá trình làm việc, Vũ Văn M trực tiếp đến các TBA để hướng dẫn, kiểm tra công việc nhằm hạn chế sai sót, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thi công. Ngoài ra còn có Trần Sơn H2 là cán bộ điện lực thành phố H được phân công giám sát kỹ thuật chung đối với cả 06 TBA thi công đến kiểm tra về mặt kỹ thuật.

Đơn vị công tác số 03 tại TBA C làm việc đến khoảng 00 giờ ngày 31/3/2025 thì xong việc (*05 Đơn vị công tác khác đã thực hiện xong việc sửa chữa TBA từ trước và đang chờ cắt điện trên toàn bộ đường dây để cùng thực hiện "đấu lèo"*). Trong khi các công nhân tại TBA C đang thu dọn đồ đạc, do không có Người chỉ huy trực tiếp để thực hiện việc kết thúc công việc theo quy định (*bao gồm: kiểm tra số lượng người, dụng cụ, vật liệu, trang thiết bị an toàn bảo đảm đã đầy đủ; Ký vào Phiếu công tác, trao trả nơi làm việc và Phiếu công tác cho Người cho phép để tiếp nhận, kiểm tra nơi làm việc*) nên Hoàng Văn B đã không thực hiện việc khóa phiếu công tác số 312/ĐLTPHG/2025 theo quy định (*Người*

chỉ huy trực tiếp ký kết thúc công tác, Người cho phép kiểm tra lại tại nơi làm việc đảm bảo an toàn mới được ký khoá PCT và chụp ảnh gửi lên phần mềm ECP). Bông đã liên hệ với Nguyễn Văn T4 là cán bộ tổ trực vận hành của Điện lực thành phố Đ5 báo cáo đã hoàn thành công việc tại TBA C và đã khóa Phiếu công tác. Vào hồi 00 giờ 08 phút ngày 31/3/2025, T4 liên hệ với Nguyễn Văn T5 là cán bộ trực Phòng Điều độ của Công ty Đ5 báo cáo đã hoàn thiện công việc tại 06 TBA, xin tiến hành làm các thủ cắt điện trên toàn bộ đường dây để tiến hành "đấu lèo" tại 06 TBA. T5 đồng ý và bảo T4 bố trí người để làm thủ tục cắt điện. Trong quá trình T4 đang tiến hành các thủ tục cắt điện trên toàn bộ đường dây, các công nhân vẫn đang thu dọn tại TBA C, B cùng công nhân chưa di chuyển đến cột điện Lộ 473E22.1/24 để thực hiện Phiếu công tác số 313/ĐLTPHG/2025 để "đấu lèo" thì Hoàng Văn C đã đi ra khỏi phạm vi cho phép tại TBA Cổng Thành đến vị trí cột điện Lộ 473E22.1/24 (*phạm vi chưa cho phép làm việc*) để "đấu lèo" (*không xác định được có người phân công, chỉ đạo Chí hay không*). Tại thời điểm này Nguyễn Văn T4 chưa thực hiện cắt điện trên toàn bộ đường dây, Hoàng Văn C đã trèo lên cột điện. Vào 00 giờ 12 phút, C tiếp xúc với đường dây pha C (*cách mặt đất 14,2m*), dòng điện từ dây pha C truyền qua người Hoàng Văn C khiến C bị điện giật đồng thời gây ra sự cố ngắn mạch tại pha C làm máy cắt điện trên đường dây 473E22.1 tự động nhảy (*đi vào hoạt động*). Sau khi bị điện giật Hoàng Văn C bị rơi xuống đất dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận giám định số 136/KLGĐTT-KTHS ngày 18/4/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận nguyên nhân chết của Hoàng Văn C là do chấn thương sọ não, trên người bị đa vết thương và tổn thương bỏng điện.

Tại Bản kết luận giám định số 215/25/KLGDADN-PYQG của V2 kết luận: Dữ liệu ADN thu được từ các mẫu chất dịch màu nâu đỏ thu được tại hiện trường trùng khớp với ADN của Hoàng Văn C.

Tại Bản kết luận giám định số 49/25/KLMBH-VPYQG ngày 17/4/2025 của V2 kết luận mô bệnh học như sau:

+ Da: Tổn thương da dưới tác động của dòng điện.

+ Tim: Phù, sung huyết, sơ hóa rải rác, sợi cơ tim đứt đoạn, lượn sóng;

+ Phổi: Phế nang phù, chứa ít hồng cầu, sung huyết;

+ Dạ dày: Sung huyết;

+ Gan: Sung huyết, tăng sinh xơ.

Tại Bản kết luận giám định số 254/391/25/KLGĐĐC-PYQG ngày 14/4/2025 của V2 kết luận không tìm thấy độc chất trong mẫu phủ tạng và máu của tử thi Hoàng Văn C.

Tại Bản kết luận giám định số 209/KLGĐTT-KTHS ngày 05/6/2025 Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: Trên chiếc áo tử thi mặc bị mất 05 chiếc cúc, trên chiếc quần của tử thi không bị mất chiếc cúc nào. 05 chiếc cúc thu được tại hiện trường cùng dạng (*màu sắc, kích cỡ,...*) với các chiếc cúc còn lại trên áo của tử thi.

Kết quả điều tra về nguyên nhân máy cắt điện trên đường dây Lộ 473E22.1 hoạt động như sau: qua trích xuất dữ liệu trên sổ nhật ký vận hành lưới điện của điện lực thành phố Đ5 và Công ty Đ5 thể hiện:

+ Vào 00 giờ 06 phút ngày 31/3/2025, Hoàng Văn B liên hệ với Nguyễn Văn T4 - Tổ trực vận hành Điện lực Thành phố H, báo đã thực hiện xong công việc tại TBA C.

+ Vào 00 giờ 08 phút ngày 31/3/2025, Nguyễn Văn T4 liên hệ với Nguyễn Văn T5 - Phòng Điều độ Công ty Đ5, thông báo các công việc tại 06 TBA đã được thực hiện xong.

+ Vào 00 giờ 10 phút ngày 31/3/2025, Nguyễn Văn T4 liên hệ với Nguyễn Văn T5 đề nghị làm thủ tục cắt điện trên toàn bộ đường dây.

+ Vào 00 giờ 11 phút ngày 31/3/2025, Nguyễn Văn T5 báo máy cắt điện trên đường dây Lộ 473E22.1 bị nhảy (*hoạt động*).

Đối chiếu lịch sử cuộc gọi giữa B, T4 và T5 thu được từ nhật ký cuộc gọi trên điện thoại và file ghi âm nội dung cuộc gọi trích xuất tại Công ty Đ5 phù hợp với kết quả trên dữ liệu sổ nhật ký vận hành.

Trích xuất thông tin lưu trữ tại bộ nhớ máy cắt điện ghi nhận vào thời điểm 00 giờ 12 phút 21 giây 623 mili giây, ngày 31/3/2025, tại máy cắt điện ghi nhận sự gia tăng cường độ dòng điện tại đường dây pha C *(I)* lên 2752.922A *(Ampe)* và sự sụt giảm hiệu điện thế tại đường dây pha C *(U)* xuống 6.666 kV *(Kilo Vôn)*. Đối với các đường dây pha B và pha A các giá trị này vẫn hiển thị trong ngưỡng bình thường. Sự gia tăng về cường độ dòng điện và sụt giảm về hiệu điện thế nêu trên đã khiến máy cắt điện trên đường dây Lộ 473E22.1 hoạt động vào ngày 31/3/2025.

Ngay sau khi xảy ra sự việc máy cắt bị nhảy và hoạt động, Công ty Đ5 (*cũ*) đã kiểm tra lại hệ thống và đường dây, tiến hành tắt máy cắt thì đường dây Lộ 473E22.1 vẫn hoạt động bình thường, không phát hiện sự cố và hỏng hóc gì trên thiết bị và đường dây.

Vào thời điểm máy cắt bị nhảy, tại cột điện Lộ 473E22.1/24 xảy ra sự việc Hoàng Văn C bị giật điện. Sự việc này phù hợp với nguyên nhân khiến đường dây pha C xảy ra sự gia tăng về cường độ dòng điện và sụt giảm về hiệu điện thế (*ngắn mạch*). Như vậy, có căn cứ để xác định khi Hoàng Văn C tiếp xúc với đường dây pha C, dòng điện từ dây pha C đã truyền qua người Hoàng Văn C khiến C bị điện giật từ đó khiến máy cắt điện trên đường dây hoạt động.

Cáo trạng số 21/CT-VKSKV4 ngày 08/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ "Vi phạm quy định về an toàn lao động" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 295 Bộ luật Hình sự, bị cáo Vũ Văn M về tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự và bị cáo Hoàng Văn B về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vũ Văn M, Hoàng Văn B xác nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang là đúng và

không có ý kiến bổ sung gì thêm. Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã đến thăm hỏi, động viên và tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra cho bị hại và gia đình, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án; các bị cáo có thành tích trong quá trình công tác, có thân nhân là người có công nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử sơ thẩm người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xác nhận là các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại và không yêu cầu gì thêm; về hình phạt, đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đã đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ "Vi phạm quy định về an toàn lao động" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 295 Bộ luật Hình sự, bị cáo Vũ Văn M về tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự và bị cáo Hoàng Văn B về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 295, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/02/2026).

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn M từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/02/2026).

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 360, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/02/2026).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho UBND phường K, thành phố Hà Nội; giao bị cáo Vũ Văn M cho UBND phường H, tỉnh Tuyên Quang; giao bị cáo Hoàng Văn B cho UBND phường H, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung

+ Áp dụng khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự cấm đảm nhiệm chức danh Người cho phép đối với Hoàng Văn B trong thời hạn 01 năm kể từ bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Áp dụng khoản 5 Điều 295 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ với mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Văn M.

- Về áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự ra quyết định huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn là bảo lĩnh đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Vũ Văn M, Hoàng Văn B.

- Về trách nhiệm dân sự: không đề cập xem xét.

- Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 cây máy tính, vỏ màu đen, mặt trước có dán logo có dòng chữ "GOLDEN FIELD", đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPhone, màu xanh có gắn hình quả táo khuyết, điện thoại cũ đã qua sử dụng không bật được nguồn, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại, bên trong có gắn 01 sim. Trả lại cho bị cáo Vũ Văn M 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng không bật được nguồn nên không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại, bên trong có gắn 01 sim.

- Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: các mảnh vải màu đen, không rõ hình dạng được đựng trong 01 túi nilon màu trắng; 01 dây chun hình tròn, màu cam; 01 đinh ốc bằng kim loại hình lục giác, màu xám; 02 miếng nhựa trong suốt, không rõ hình; 01 thanh kim loại không rõ hình, màu trắng xám; 01 mảnh nhựa màu trắng, bên ngoài ghi chữ RPM 220-10/T; các mảnh nhựa màu da cam, không rõ hình dạng được đựng trong 01 túi nilon màu trắng; các mảnh dạng muội than, không rõ hình, màu đen được đựng trong 01 túi nilon màu trắng; 03 thanh kim loại không rõ hình, màu xám, đen; 01 van chống sét bằng kim loại, màu nâu; 01 mặt đồng hồ bằng kim loại, màu đen kèm theo dây da màu nâu; 01 miếng kim loại không rõ hình, màu xám; các mảnh vải vụn màu cam, đen, không rõ hình dạng được đựng trong 01 túi nilon; 01 chiếc áo khoác dài tay, màu đen; 01 chiếc quần lót màu đen, 01 đôi tất màu đen, 01 đôi găng tay màu trắng, xanh có các vùng màu đen, xám; 01 áo thu đông cổ tròn, dài tay, bị khuyết ống áo tay trái, thân áo có lỗ thủng; 05 chiếc cúc bằng nhựa, màu cam; 01 chiếc quần dài màu cam, trên quần có gắn các cúc bằng nhựa màu cam; 01 chiếc áo dài tay màu

cam, một phần ống tay áo bị đứt rời, mất một phần thân áo, trên áo có gắn các cúc bằng nhựa màu cam.

8. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vũ Văn M, Hoàng Văn B rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải và tha thiết đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được lao động, cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình để các bị cáo có cơ hội lao động, làm ăn lương thiện và chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. HĐXX thấy người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, những người này đã có lời khai đầy đủ trong giai đoạn điều tra và việc họ vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292, Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh: lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, không mâu thuẫn; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả khám nghiệm tử thi, các kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Như vậy, đã có đủ căn cứ để khẳng định: vào ngày 26/3/2025, để kịp tiến độ hoàn thiện các hạng mục sửa chữa các TBA trên địa bàn thành phố H (cũ) theo hợp đồng đã ký kết giữa Công ty cổ phần Đ2 với Công ty Đ5 (cũ), với chức trách, nhiệm vụ được giao là Phó Tổng Giám đốc Công ty Đ2, Chỉ huy trưởng công trình bị cáo Nguyễn Văn Đ đã liên hệ với Đinh Xuân T3 để tìm thuê thêm công nhân. Tiếp đó, T3 liên hệ với Trần Thị Y, Y tiếp tục liên hệ với bị cáo Vũ Văn M là cán bộ Điện lực Đ5 (cũ) để nhờ tìm công nhân; Vũ Văn M đã trực tiếp liên hệ tìm được 17 công nhân (trong đó có Hoàng Văn C) không có trình độ, năng lực về kỹ thuật, an toàn điện để giới thiệu cho Đ tham gia thi công sửa chữa các TBA vào các ngày 29, 30, 31/3/2025, trong đó có TBA Cổng Thành. Ngày 30/3/2025, tại TBA C thuộc tổ A, phường H, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Hoàng Văn B được phân công giữ chức danh Người cho phép đã không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của Người cho phép theo quy định dẫn đến việc không phát hiện toàn

bộ công nhân, đặc biệt là Người chỉ huy trực tiếp của đơn vị công tác không đủ điều kiện thi công; đồng thời, không phát hiện công nhân Hoàng Văn C không có tên trong danh sách công nhân nhưng vẫn tham gia thi công. Dẫn đến hậu quả là Hoàng Văn C bị tai nạn lao động do điện giật vào hồi 00 giờ 12 phút 21 giây 623 mili giây, ngày 31/3/2025 khi thực hiện công việc "đấu lèo" và bị rơi xuống đất từ độ cao 14,2m dẫn đến tử vong.

[5] Hành vi của Nguyễn Văn Đ đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật điện lực; vi phạm khoản 6 Điều 12 và khoản 2 Điều 14 Luật an toàn, vệ sinh lao động; vi phạm Điều 60, khoản 1 Điều 62 Quyết định 959/QĐ-EVN ngày 26/7/2021 của Tập đoàn Đ6 về việc ban hành quy trình an toàn điện trong Tập đoàn Đ6; vi phạm quy định tại mục III.II.30.1 và tại mục III.II.31 Thông tư số 39/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ C5 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.

[6] Đối với Vũ Văn M là cán bộ Điện lực, có bậc an toàn điện 5/5, từng giữ vai trò Người chỉ huy trực tiếp, Người cho phép trong quá trình thi công các công trình điện lực. M nhận thức được tính chất nguy hiểm của công việc cũng như các điều kiện cần thiết đối với công nhân tham gia thi công nhưng M vẫn chủ động tìm thuê những công nhân không đủ điều kiện. Đồng thời, M cũng tự ý thức rằng sau khi hoàn thành công việc M sẽ được công ty trả công. Vì vậy, M đã chủ động tìm thuê công nhân, thỏa thuận tiền công, sắp xếp chỗ ở, chuẩn bị phương tiện chở vật tư, kiểm tra vị trí làm việc, bố trí công nhân tại các TBA và hướng dẫn công việc cho công nhân. Như vậy, Vũ Văn M là đồng phạm với Nguyễn Văn Đ với vai trò là người giúp sức trong việc thực hiện các hành vi vi phạm quy định về an toàn lao động.

[7] Đối với Hoàng Văn B là Người cho phép tại TBA C vào ngày 30/3/2025 nhưng đã không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định, cụ thể: Không kiểm tra, đối chiếu thông tin, số lượng công nhân trên thực tế so với Phương án và không tiến hành kiểm tra thẻ an toàn điện của các công nhân trước khi cho phép làm việc. Do không kiểm tra nên B đã không phát hiện tất cả các công nhân trong tổ công tác đều chưa được huấn luyện an toàn điện, không phát hiện ra Nùng Văn T6 không đủ tiêu chuẩn Người chỉ huy trực tiếp và Hoàng Văn C không có tên trong danh sách công nhân nhưng vẫn tham gia thi công. Hành vi của B đã vi phạm quy định tại Điều 7.2.2, Chương I, mục C và Điều 3.3.3, Chương IV, mục C thuộc Phụ lục 1 Hướng dẫn thực hiện các quy trình an toàn ban hành kèm theo công văn số 6829/EVNNPC-AT về việc hướng dẫn thực hiện QTAT thủy, cơ, nhiệt, hóa và QTATĐ ngày 06/12/2021 của Tổng Công ty Đ7; vi phạm quy định tại Điểm a.2, M, Phần VI thuộc Phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn số 11/PATCTC-CPĐT&XDCNVN.

[8] Từ các căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 295 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Vũ Văn M đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Hoàng Văn B đủ

yếu tố cấu thành tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo điểm a khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

[9] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, cũng như vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án: trong vụ án này các bị cáo không có mối liên hệ chặt chẽ, không trực tiếp bàn bạc, thoả thuận với nhau từ trước, nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, các bị cáo tự chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội đã gây ra. Bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ vai trò chính, bị cáo là người trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo và chịu trách nhiệm chính về công tác an toàn lao động trong quá trình thi công sửa chữa các trạm biến áp. Do đó, bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm cao nhất. Đối với bị cáo Vũ Văn M mặc dù không trực tiếp giao kết, thoả thuận với bị cáo Đ nhưng là cán bộ Điện lực, có trình độ, năng lực, có bậc an toàn điện 5/5, bị cáo buộc phải biết tính chất nguy hiểm của công việc cũng như các điều kiện cần thiết đối với công nhân tham gia thi công sửa chữa các trạm biến áp, nhưng M đã tiếp nhận ý chí của Đ, giúp Đ tìm thuê những công nhân không đủ điều kiện để tiến hành thi công sửa chữa các trạm biến áp, dẫn đến Hoàng Văn C tử vong do bị điện giật trong khi thực hiện công việc "đấu lèo", nên bị cáo M phải chịu trách nhiệm với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Đ. Đối với bị cáo Hoàng Văn B được giao chức trách, nhiệm vụ là Người cho phép trong quá trình thi công sửa chữa trạm biến áp nhưng đã thiếu trách nhiệm thực hiện không đúng, đầy đủ chức trách nhiệm vụ được giao, dẫn đến hậu quả chết người. Do đó, bị cáo B phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra cho gia đình bị hại; các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án; quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; các bị cáo là người có thành tích trong quá trình công tác, lao động, làm việc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tặng thưởng nhiều giấy khen; các cơ quan, tổ chức nơi các bị cáo lao động, công tác, làm việc có văn bản xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Văn Đ có bố đẻ là ông Nguyễn Xuân Đ1 được Nhà nước trao tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và hạng Nhì, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Hoàng Văn B có ông ngoại (*bố đẻ của bà Phan Thị T*) ông Phan Ngọc T15 là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân kháng chiến hạng Nhất, Huân chương chiến công hạng Nhất và Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, N3, Ba; bị cáo Vũ Văn M có bố vợ (*bố đẻ của chị Mai Thị Huyền H*) ông Mai Quang Y1 là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân kháng chiến hạng Nhì, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì, nên cũng cần được xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

[12] Từ những phân tích, nhận định nêu trên HĐXX thấy rằng: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về an toàn lao động, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội đã xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, phải xử lý các bị cáo với mức án cho tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội đã gây ra. Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, có công ăn, việc làm ổn định, có khả năng tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương. Do đó, xét thấy không cần áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cần áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo cũng có tác dụng giáo dục, răn đe đối với người phạm tội và làm gương cho người khác.

[13] Về hình phạt bổ sung

[14] Đối với bị cáo Hoàng Văn B: áp dụng khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự cấm đảm nhiệm chức danh Người cho phép đối với Hoàng Văn B trong thời hạn 01 năm kể từ bản án có hiệu lực pháp luật.

[15] Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: là người quản lý, có thu nhập và lợi ích từ việc thi công, thực hiện dự án nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo với mức phạt cho phù hợp.

[16] Đối với bị cáo Vũ Văn M: do bị cáo là công nhân lao động, không được hưởng lợi ích vật chất nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Văn M.

[17] Về áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: các bị cáo được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo nên cần áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự ra quyết định huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn là bảo lĩnh đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Vũ Văn M, Hoàng Văn B.

[18] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

[19] Đối với các tài sản thu giữ của bị cáo Đ là 01 cây máy tính, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPhone, màu xanh, của bị cáo M là 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung. Xét thấy các vật chứng này không trực tiếp liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho các bị cáo.

[20] Đối với các vật chứng còn lại có liên quan đến tội phạm nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu huỷ.

[21] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra các bị cáo đã bồi thường xong về phần dân sự, quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm người đại diện hợp pháp của bị hại tiếp tục có đơn xác nhận và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không cần đề cập xem xét, giải quyết.

[22] Đối với Đinh Xuân T3, Trần Thị Y: T3, Y đều không có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực điện lực. Quá trình trao đổi, Đ không đưa ra yêu cầu

về điều kiện công nhân, đồng thời do không hiểu biết về lĩnh vực điện lực nên T3, Y đã trao đổi để M thuê, quản lý, sử dụng công nhân trong việc sửa chữa các TBA. Quá trình sửa chữa TBA T3, Y đều không trực tiếp tham gia các nội dung liên quan đến việc sửa chữa TBA, cũng không được Đ, M hứa hẹn về lợi ích cá nhân nào. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét xử lý đối với Đinh Xuân T3, Trần Thị Y.

[23] Đối với Nùng Văn T6: trong hồ sơ Phương án thể hiện T6 giữ vai trò Người chỉ huy trực tiếp tại TBA C, tuy nhiên, T6 không biết mình được bố trí là Người chỉ huy trực tiếp. Ngoài ra, T6 và những người công nhân khác đều không có đủ điều kiện để thi công (*không có chứng chỉ hành nghề, không có bậc thợ theo quy định*) mà chỉ thi công sửa chữa TBA với mục đích lao động phổ thông kiếm sống, không có động cơ, mục đích phạm tội nên không đóng vai trò đồng phạm với Đ, M. Việc T6 cũng như những công nhân còn lại trực tiếp tham gia sửa chữa TBA không phải là nguyên nhân dẫn đến sự việc Hoàng Văn C tử vong. Do đó, không có căn cứ xem xét xử lý đối với Nùng Văn T6.

[24] Đối với ông Nguyễn Lê T2 - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đ2: do thấy số lượng công nhân của công ty giao cho không đủ để thực hiện khối lượng công việc nên Nguyễn Văn Đ đã tự ý thuê thêm công nhân mà không báo cáo với ông T2. Việc Đ bố trí, sử dụng những người công nhân khi chưa tổ chức huấn luyện an toàn điện ông T2 không biết. Vì vậy, không có căn cứ xem xét xử lý đối với ông T2.

[25] Đối với Bùi Quang H4 - Nhân viên Công ty cổ phần Đ2: Phương án tổ chức thi công và biện pháp đảm bảo an toàn số 11/PATCTC-CPĐT&XDCNVN thể hiện Bùi Quang H4 là người lập Phương án. Tuy nhiên, trên thực tế, H4 chỉ thực hiện phần khảo sát hiện trường, các nội dung còn lại của Phương án do Đ trực tiếp xây dựng. Vì vậy, H4 không biết việc bố trí công nhân thi công cụ thể như thế nào. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý đối với H4.

[26] Đối với Tổ thẩm duyệt phương án tổ chức thi công và biện pháp đảm bảo an toàn số 11/PATCTC-CPĐT&XDCNVN của Công ty Đ5: Quá trình thẩm duyệt phương án, tổ thẩm duyệt đã đảm bảo các quy định theo Công văn số 6829/EVNNPC-AT về việc hướng dẫn thực hiện QTAT thủy, cơ, nhiệt, hóa và QTATĐ ngày 06/12/2021 của Tổng Công ty Đ7.

[27] Đối với Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T5 và Trần Sơn H2: quá trình điều tra xác định T4, T5 đã thực hiện đúng quy trình cắt điện; H2 đã thực hiện giám sát đảm bảo việc sửa chửa, thay thế thiết bị tại TBA theo đúng phương án kỹ thuật, bản vẽ thi công. Vì vậy, không có căn cứ xem xét xử lý đối với T4, T5, H2.

[28] Chấp nhận ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[29] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[30] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vũ Văn M phạm tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động"; bị cáo Hoàng Văn B phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 295, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 36 (ba sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/02/2026).

2.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn M 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/02/2026).

2.3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 360, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn B 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/02/2026).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho UBND phường K, thành phố Hà Nội; giao bị cáo Vũ Văn M cho UBND phường H, tỉnh Tuyên Quang; giao bị cáo Hoàng Văn B cho UBND phường H, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Về hình phạt bổ sung:

2.4.1. Áp dụng khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự cấm đảm nhiệm chức danh Người cho phép đối với Hoàng Văn B trong thời hạn 01 năm kể từ bản án có hiệu lực pháp luật.

2.4.2. Áp dụng khoản 5 Điều 295 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ với mức phạt là 10.000.000 đồng.

2.4.3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Văn M.

3. Về trách nhiệm dân sự: không đề cập xem xét.

4. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 cây máy tính, vỏ màu đen, mặt trước có dán logo có dòng chữ "GOLDEN FIELD", đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPhone, màu xanh có gắn hình quả táo khuyết, điện thoại cũ đã

qua sử dụng không bật được nguồn, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại, bên trong có gắn 01 sim.

Trả lại cho bị cáo Vũ Văn M 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng không bật được nguồn nên không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại, bên trong có gắn 01 sim.

4.2. Tịch thu tiêu huỷ:

+ Các mảnh vải màu đen, không rõ hình dạng được đựng trong 01 túi nilon màu trắng.

+ 01 dây chun hình tròn, màu cam.

+ 01 đinh ốc bằng kim loại hình lục giác, màu xám.

+ 02 miếng nhựa trong suốt, không rõ hình.

+ 01 thanh kim loại không rõ hình, màu trắng xám.

+ 01 mảnh nhựa màu trắng, bên ngoài ghi chữ RPM 220-10/T.

+ Các mảnh nhựa màu da cam, không rõ hình dạng được đựng trong 01 túi nilon màu trắng.

+ Các mảnh dạng muội than, không rõ hình, màu đen được đựng trong 01 túi nilon màu trắng.

+ 03 thanh kim loại không rõ hình, màu xám, đen.

+ 01 van chống sét bằng kim loại, màu nâu.

+ 01 mặt đồng hồ bằng kim loại, màu đen kèm theo dây da màu nâu.

+ 01 miếng kim loại không rõ hình, màu xám.

+ Các mảnh vải vụn màu cam, đen, không rõ hình dạng được đựng trong 01 túi nilon.

+ 01 chiếc áo khoác dài tay, màu đen.

+ 01 chiếc quần lót màu đen, 01 đôi tất màu đen, 01 đôi găng tay màu trắng, xanh có các vùng màu đen, xám.

+ 01 áo thu đông cổ tròn, dài tay, bị khuyết ống áo tay trái, thân áo có lỗ thủng.

+ 05 chiếc cúc bằng nhựa, màu cam.

+ 01 chiếc quần dài màu cam, trên quần có gắn các cúc bằng nhựa màu cam.

+ 01 chiếc áo dài tay màu cam, một phần ống tay áo bị đứt rời, mất một phần thân áo, trên áo có gắn các cúc bằng nhựa màu cam.

Đặc điểm, tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/01/2026 giữa Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Tuyên Quang.

5. Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vũ Văn M, Hoàng Văn B mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- PC01, PC02, PV06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Toà HS, Phòng GĐKT,TT &THA TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 4 - Tuyên Quang;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường